

Số: /TB- BVĐHYHN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO

Mời chào giá hàng hoá, dịch vụ phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Bệnh viện Đại học Y Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm đồng phục, quà tặng cho CBCNV Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, chi tiết như Phụ lục 03 kèm theo.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đại học Y Hà Nội
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Nguyễn Thu Phương, Chuyên viên Phòng VTTB-QT, Phòng 510, tòa nhà A2, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. SĐT: 0868.419.188. Email: ntphuongbvdhyhn@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư thiết bị - Quản trị, Phòng 510, tòa nhà A2, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành thông báo này.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày cuối cùng tiếp nhận báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá: Chi tiết trong Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của hàng hoá tại Phụ lục 03 kèm theo.

2. Dự kiến về thanh toán hợp đồng:

- Giá trị thanh toán: bằng số lượng thực tế nhà thầu đã thực hiện nhân với đơn giá cố định trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng (nếu có).

- Phương thức thanh toán: chuyển khoản trong vòng 90 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng xuất hóa đơn sau khi Bên A nhận được hóa đơn chứng từ hợp lệ, hợp pháp.

3. Các thông tin khác (nếu có)

- Kính đề nghị các công ty, các nhà cung cấp nghiên cứu kỹ các yêu cầu và làm theo hướng dẫn đã nêu tại các Phụ lục đính kèm thông báo này.

- Lưu ý: Để đánh giá đáp ứng về kỹ thuật của Hàng hoá do công ty chào giá so với yêu cầu của Bệnh viện, đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các yêu cầu nêu tại các phụ lục đính kèm thông báo. Các báo giá không cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu tại phụ lục của thông báo thì Bệnh viện sẽ không có đủ căn cứ để tổng hợp, xem xét.

- Đề nghị các công ty thực hiện lấy (các) file mẫu, thực hiện lập báo giá qua hệ thống hỗ trợ tại địa chỉ: <https://sites.google.com/view/hmuh-vttbqt/qu%E1%BA%A3n-l%C3%BD-ch%C3%A0o-gi%C3%A1-v8> hoặc quét mã QR phía dưới để truy cập.

Tài khoản truy cập guest@123 - Mật khẩu 121212.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTB-QT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thanh Bình

PHỤ LỤC 01

Các yêu cầu chung về lập báo giá

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BVĐHYHN ngày tháng năm 2025)

STT	Thông tin	Chỉ tiêu	Đánh giá đáp ứng kỹ thuật của Báo giá
	Công ty phải lập bảng đáp ứng tính năng chi tiết của Hàng hoá do Công ty chào so với yêu cầu của Bệnh viện như <u>Mẫu 1</u> tại Phụ lục 02	Có bảng đáp ứng với đầy đủ thông tin yêu cầu	Đáp ứng
		Không có bảng đáp ứng hoặc bảng đáp ứng không có đầy đủ thông tin	Không đáp ứng

- Bệnh viện đánh giá giá mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của Hàng hoá công ty chào dựa trên cơ sở Bảng kê đáp ứng yêu cầu - **do công ty tự kê khai** – tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung do công ty tự kê khai. Trường hợp cần thiết Bệnh viện sẽ yêu cầu làm rõ, công ty phải cung cấp tài liệu để chứng minh.

- Yêu cầu kỹ thuật nêu trong Phụ lục 03 là các thông số yêu cầu tham khảo cơ bản để Bệnh viện xây dựng dự toán mua sắm. Công ty có thể đề xuất các thông tin tương đương hoặc tốt hơn.

- Trường hợp Hàng hoá công ty chào **không đáp ứng đầy đủ các thông số yêu cầu, Bệnh viện đề nghị công ty vẫn thực hiện chào giá** và ghi chú rõ các tiêu chí không đáp ứng. Bệnh viện sẽ xem xét tổng thể các yếu tố tiêu chí kỹ thuật, giá chào của công ty. Nếu (các) yếu tố không đáp ứng không ảnh hưởng quá nhiều đến chất lượng Hàng hoá, Bệnh viện sẽ chấp thuận báo giá của công ty và điều chỉnh tiêu chí kỹ thuật yêu cầu tương ứng để phù hợp với thực tế Hàng hoá trên thị trường nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu chuyên môn và nhu cầu sử dụng của Bệnh viện.

PHỤ LỤC 02

Mẫu 1: Bảng đáp ứng kỹ thuật

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BVĐHYHN ngày tháng năm 2025)

BẢNG ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT HÀNG HÓA CHÀO GIÁ

Yêu cầu mời chào giá (Chi tiết tại Phụ lục 03)			Thông số kỹ thuật chào giá	Các điểm không đạt kèm thuyết minh
STT TB mời chào giá	Tên Hàng hoá	Tính năng kỹ thuật		
..	...	...	Nêu các thông số kỹ thuật của Hàng hoá tương ứng với các tính năng kỹ thuật yêu cầu	- Nêu rõ các thông số không đáp ứng của Hàng hoá (nếu có) kèm theo thuyết minh/ lý giải - Trường hợp có công nghệ/ giải pháp kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu và chất lượng Hàng hoá đề nghị thuyết minh cụ thể
..	...	...		
..	...	...		

Mẫu 2: Bảng chào giá

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho hàng hoá như sau:

1. Báo giá các danh mục Hàng hoá:

STT TB mời chào giá	Danh mục Hàng hoá ⁽¹⁾	Số lượng ⁽²⁾	Đơn vị tính ⁽³⁾	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁴⁾ (VND)	Thuế, VAT (nếu có) ⁽⁵⁾ (%)	Đơn giá (đã bao gồm thuế phí, lệ phí và các dịch vụ liên quan (nếu có)) ⁽⁶⁾ (VND)	Thành tiền ⁽⁷⁾ (VND)	Tiêu chuẩn ⁽⁸⁾
1	Hàng hoá A							
2	Hàng hoá B							
n	...							

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 180 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm...*[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của danh mục Hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁹⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp ghi theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục Hàng hoá” trong Yêu cầu báo giá.

(2) Nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng theo đúng số lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(3) Nhà cung cấp ghi đơn vị tính của Hàng hoá

(4) Nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các Hàng hoá liên quan như vận chuyển, bảo quản, ...; chỉ tính chi phí cho các Hàng hoá liên quan trong nước.

(5) Nhà cung cấp ghi cụ thể tỷ lệ thuế giá trị gia tăng (%) (nếu có) cho từng mục Hàng hoá

(6) Nhà cung cấp ghi giá trị đơn giá của từng mục Hàng hoá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và

Hàng hoá liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

(7) Nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng mục Hàng hoá. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng mục Hàng hoá (bao gồm thuế, phí, lệ phí và Hàng hoá liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các Hàng hoá liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(8) Công ty liệt kê (các) tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo, tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa (ưu tiên liệt kê tiêu chuẩn cao trước, thấp hơn sau)...; trường hợp có các tiêu chuẩn đặc thù thể hiện chất lượng tốt hơn thì liệt kê kèm theo (các) tài liệu chứng minh; Việc này rất quan trọng trong đánh giá chất lượng hàng hóa chào giá và xác định giá dự toán.

(9) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

PHỤ LỤC 03

Yêu cầu kỹ thuật mua sắm đồng phục, quà tặng cho CBCNV Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BVĐHYHN ngày tháng năm 2025)

1. Yêu cầu kỹ thuật chung:

1.1. Về Kích cỡ áo:

+ Đối với nam

Size	Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
S	1m60 - 1m67	Dưới 55kg
M	1m63 - 1m70	55 - 65kg
L	1m65 - 1m72	65 - 75kg
XL	1m70 - 1m80	75 - 85kg
XXL	Trên 1m80	Trên 85kg

+ Đối với nữ

Size	Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
S	1m48 - 1m55	Dưới 45kg
M	1m55 - 1m60	45 - 52kg
L	1m60 - 1m65	52 - 58kg
XL	1m65 - 1m70	58 - 65kg
XXL	Trên 1m70	Trên 65kg

1.2. Về chất lượng

- Hàng hoá là hàng mới 100% chưa qua sử dụng, thông số kỹ thuật phù hợp theo tiêu chuẩn yêu cầu, đường may tỉ mỉ, sản phẩm được may hoàn chỉnh, đảm bảo đúng mẫu thiết kế, đúng số lượng, kích thước Chủ đầu tư cung cấp

- Sản phẩm thành phẩm phải đảm bảo:

+ Cổ áo đứng phom, cổ ôm gọn, không rộng không chật.

+ Méch cổ và măng sét tay áo sơ mi êm phẳng không bị rộp, bong.

+ Tay áo nách tra đều tay, không thừa không rúm, căng mọng.

+ Nẹp áo thẳng, không cong vắn, không nổi chỉ, sùi chỉ, rộp méch.

+ Cúc đúng vị trí, chiều dài khuyết vừa với khuy. Màu sắc và kích thước cúc áo hài hòa, cân đối, phù hợp với chất liệu vải áo.

+ Mật độ mũi chỉ may đều, cùng màu chỉ.

+ Sản phẩm sau khi được may hoàn tất các đường may mũi chỉ chắc chắn phẳng phiu, không nhăn nhúm.

+ Bề mặt sạch, không có sợi chỉ thừa, là (ủi) áo không để bóng và cháy vải.

- Trong quá trình giao hàng nếu có nhầm lẫn, sai quy cách hoặc không đạt yêu cầu chất lượng, Nhà thầu phải sửa hoặc đổi lại sản phẩm khác mà không tính thêm chi phí. Thời gian hoàn tất việc sửa lỗi sản phẩm là không quá 07 ngày sau khi Chủ đầu tư giao lại số hàng bị lỗi.

2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị	Số lượng
1	Áo sơ mi nam	Màu sắc: trắng sứ Kiểu dệt hoa tiết logo trên bề mặt vải. Thành phần (%): Polyeste: 67 (± 1); Rayon: 29 (± 1); Spandex: 4(± 1) ISO/TR 11827:2012, TCVN 5465-1:2009, TCVN 5465-2:2009, TCVN 5465-11:2009, TCVN 5465-12:2009. Khối lượng (g/m²): 155 (± 2) TCVN 8042:2009 Mật độ sợi: Dọc (sợi/10cm): 650 (± 2), Ngang (sợi/10cm): 381(± 2) TCVN 1753:1986. Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 818(± 2); Ngang (N): 258(± 2) TCVN 1754:1986 (Phương pháp băng vải). Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0; Ngang -0,5 TCVN 8041:2009. Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): Thay đổi màu: cấp 4-5; Dây màu: cấp 4-5 TCVN 7835-C10:2007. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện TCVN 7421-1:2013. Quy cách may: - Kiểu dáng: Modern fit - Cổ: cổ vuông, có chân, ve nhọn đều, bản cổ 6,5cm ($\pm 0,2$), phẳng êm, có xương cá đầu cổ. - Tay áo dài: đường may cách đều mép, khi kéo không đứt chỉ, măng sét có 1 ly, bản to 6cm($\pm 0,2$) trần 2 đường chỉ song song, đính 2 khuy, măng sét vạt góc. - Thân trước: Nẹp lộ khuy, túi ốp ngực đáy lượn góc 2 bên, nẹp tà áo êm, phẳng, tà áo trơn, đều. Miệng túi thêu logo, bản chiều cao 15mm ($\pm 0,2$). - Thân sau: cầu vai may mí. - Gấu: lượn vạt hơi bầu, đường may đều, không vắn, không vênh. - Kiểu khuy: Khuy nhựa tròn màu trắng, có dập chữ “HMH” - Chỉ may: đồng màu vải. - Nhãn mác: dệt hoa tiết logo trên bề mặt vải, may sau cổ áo. Quy cách đóng gói: 01 áo/ túi, đóng gói bằng các phụ kiện giúp giữ phom, không nhăn nhàu.	Cái	900

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị	Số lượng
		Kích cỡ may: theo kích cỡ tiêu chuẩn (được mô tả tại mục Yêu cầu chung)		
2	Áo sơ mi nữ	Màu sắc: trắng sứ Kiểu dệt hoa tiết logo trên bề mặt vải. Thành phần (%): Polyeste: 67 (± 1); Rayon: 29 (± 1); Spandex: 4(± 1) ISO/TR 11827:2012, TCVN 5465-1:2009, TCVN 5465-2:2009, TCVN 5465-11:2009, TCVN 5465-12:2009. Khối lượng (g/m²): 155 (± 2) TCVN 8042:2009 Mật độ sợi: Dọc (sợi/10cm): 650 (± 2), Ngang (sợi/10cm): 381(± 2) TCVN 1753:1986. Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 818(± 2); Ngang (N): 258(± 2) TCVN 1754:1986 (Phương pháp băng vải). Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0; Ngang -0,5 TCVN 8041:2009. Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): Thay đổi màu: cấp 4-5; Dây màu: cấp 4-5 TCVN 7835-C10:2007. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện TCVN 7421-1:2013. Quy cách may: - Kiểu dáng: Kiểu dáng chít pen thân trước, sau - Cổ: Cổ vuông, có chân, bản cổ 5,5cm($\pm 0,2$), keo ép vào vải dính chắc, đều, bản cổ phẳng êm - Tay áo dài: đường may cách đều mép, khi kéo không đứt chỉ. Măng sét có 1 ly, bản to 5cm($\pm 0,2$) trần 2 đường chỉ song song, đính 2 khuy. Măng sét lượn bo tròn - Thân trước: Nẹp bong giấu khuy, chiết ly ngực và eo. Ly chiết vuốt nhọn thoát êm, nẹp tà áo êm, phẳng, tà áo trơn, đều. Ngực áo thêu logo, bản chiều cao 15mm. - Thân sau: chiết 2 ly tạo eo, ly chiết vuốt nhọn thoát. - Gấu: lượn vạt hơi bầu, đường may đều, không vắn, không vênh. - Kiểu khuy: Khuy nhựa tròn màu trắng, có dập chữ “HMH” - Chỉ may: đồng màu vải. - Nhãn mác: dệt hoa tiết logo trên bề mặt vải, may	Cái	1.600

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị	Số lượng
		sau cổ áo. Quy cách đóng gói: 01 áo/ túi, đóng gói bằng các phụ kiện giúp giữ phom, không nhăn nhàu. Kích cỡ may: theo kích cỡ tiêu chuẩn (được mô tả tại mục Yêu cầu chung)		
3	Áo thun Nam	Màu sắc: Vải chính màu trắng sứ. Cổ áo và bo tay màu trắng cùng màu với thân áo, có cài mí 2 màu theo màu nhận diện của Logo Bệnh viện. Thành phần nguyên liệu (%): Polyeste: 96(±1); Spandex: 4(±1). ISO/TR 11827:2012, TCVN 5465-1:2009, TCVN 5465-12:2009 Khối lượng (g/m ²): 257(±2) TCVN 8042:2009 (Lựa chọn C). Mật độ sợi: Hàng vòng/10cm: 372(±2); Cột vòng/10cm: 157(±2) TCVN 5794:1994. Độ bền kéo đứt: Hàng vòng (N): 668(±2); Cột vòng (N): 415(±2) TCVN 5795:1994 (Phương pháp băng vải). Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,5; Ngang +0,5 TCVN 8041:2009, ISO 6330:2021. Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): Thay đổi màu: cấp 4-5; Dây màu: cấp 4-5 TCVN 7835-C10:2007. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện TCVN 7421-1:2013. Quy cách may: - Kiểu dáng: Regular Fit. Vai rộng, eo gọn, chiều dài phủ hông, dễ phối quần tây/jeans. - Thân trước: Không có túi ngực, xẻ trụ cài 2 nút, nẹp áo dọc chính giữa, thẳng đều. Logo thêu nổi, đặt tại ngực trái, kích thước logo 2,5–3 cm, sợi chỉ thêu bền màu. - Thân sau: Phom lưng phẳng, đường ráp vai cân đối - Cổ áo: Cổ bẻ, bản cổ 6 cm(±0,2). Bo cổ dệt gân phối 5% thun co giãn, mật độ dệt chặt, giữ phom sau nhiều lần giặt. - Tay áo: Tay cộc, Bo tay cùng chất liệu dệt gân với cổ áo, bản rộng 2cm, may chắc chắn.	cái	3.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị	Số lượng
		- Gấu áo: Dáng gấu thẳng, gấp gấu 2cm, may mí kép, mũi chỉ đều. - Kiểu khuy: Khuy nhựa tròn màu trắng, có dập chữ “HMH” - Nhãn mác: Nhãn chính dệt họa tiết logo trên bề mặt vải, may sau cổ áo. Nhãn phụ in chuyển nhiệt (hướng dẫn giặt, thông số size áo), chất lượng in không phai, không bong tróc trong quá trình sử dụng. Quy cách đóng gói: 01 áo/ túi, đóng gói giữ phom, không nhãn nhàu. Kích cỡ may: theo kích cỡ tiêu chuẩn (được mô tả tại mục Yêu cầu chung)		
4	Áo thun Nữ	Màu sắc: Vải chính màu trắng sứ. Cổ áo và bo tay màu trắng cùng màu với thân áo, có cài mí 2 màu theo màu nhận diện của Logo Bệnh viện. Thành phần nguyên liệu (%): Polyeste: 96(±1); Spandex: 4(±1). ISO/TR 11827:2012, TCVN 5465-1:2009, TCVN 5465-12:2009 Khối lượng (g/m²): 257(±2) TCVN 8042:2009 (Lựa chọn C). Mật độ sợi: Hàng vòng/10cm: 372(±2); Cột vòng/10cm: 157(±2) TCVN 5794:1994. Độ bền kéo đứt: Hàng vòng (N): 668(±2); Cột vòng (N): 415(±2) TCVN 5795:1994 (Phương pháp bằng vải). Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,5; Ngang +0,5 TCVN 8041:2009, ISO 6330:2021. Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): Thay đổi màu: cấp 4-5; Dây màu: cấp 4-5 TCVN 7835-C10:2007. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện TCVN 7421-1:2013. Quy cách may: - Kiểu dáng: Slim Fit. Dáng thon gọn, chiết nhẹ eo, tôn dáng nữ. Chiều dài thân áo ngang hông - Thân trước: Không có túi ngực, nẹp áo mảnh gọn, dọc chính giữa, đường may ép phẳng, cài 3 nút. Logo thêu nổi tinh xảo, đặt tại ngực trái, kích thước logo	cái	3.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị	Số lượng
		2,5–3 cm, sợi chỉ thô mảnh, bền màu. - Thân sau: Đường ráp vai nhỏ gọn, phom ôm cơ thể. - Cổ áo: Cổ bẻ, bản cổ 5 cm($\pm 0,2$). Bo cổ dệt gân phối 5% thun co giãn, mật độ dệt chặt, giữ phom sau nhiều lần giặt. - Tay áo: Tay cộc, Bo tay cùng chất liệu dệt gân với cổ áo, bản rộng 2cm($\pm 0,2$), may chắc chắn. - Gấu áo: Dáng gấu thẳng, gấp gấu 2cm($\pm 0,2$), may mí kép, mũi chỉ đều. - Kiểu khuy: Khuy nhựa tròn màu trắng, có dập chữ “HMH” - Nhãn mác: Nhãn chính dệt họa tiết logo trên bề mặt vải, may sau cổ áo. Nhãn phụ in chuyển nhiệt (hướng dẫn giặt, thông số size áo), chất lượng in không phai, không bong tróc trong quá trình sử dụng. Quy cách đóng gói: 01 áo/ túi, đóng gói giữ phom, không nhăn nhàu. Kích cỡ may: theo kích cỡ tiêu chuẩn (được mô tả tại mục Yêu cầu chung)		
5	Ô gấp loại 10 múi	Ô gấp 3 tự động 2 chiều, 10 thanh nan kép, tương đương 10 múi dù Kích thước: - Bán kính nan: 58 cm (± 1) - Ô gấp lại dài 33-34 cm - Đường kính bung ô: 103cm (± 1) Chất liệu: - Tay cầm bằng nhựa cao cấp - Vải ô và túi đựng ô bằng vải Pongee trắng bạc/trắng PU - Khung xương ô bằng hợp kim thép sơn tĩnh điện chống gỉ - Nan ô bằng nhựa kết hợp sợi carbon - In ấn và hoàn thiện theo thiết kế đính kèm theo Quy cách đóng gói: 1 cái/ 1 túi	Cái	3000
6	Mũ bảo hiểm nửa đầu	Mũ nửa đầu có lưới trai, không có kính chắn gió. Màu sắc chủ đạo: xanh dương và trắng Các bộ phận của mũ: - Vỏ mũ làm bằng 100% nhựa ABS	Cái	3.000

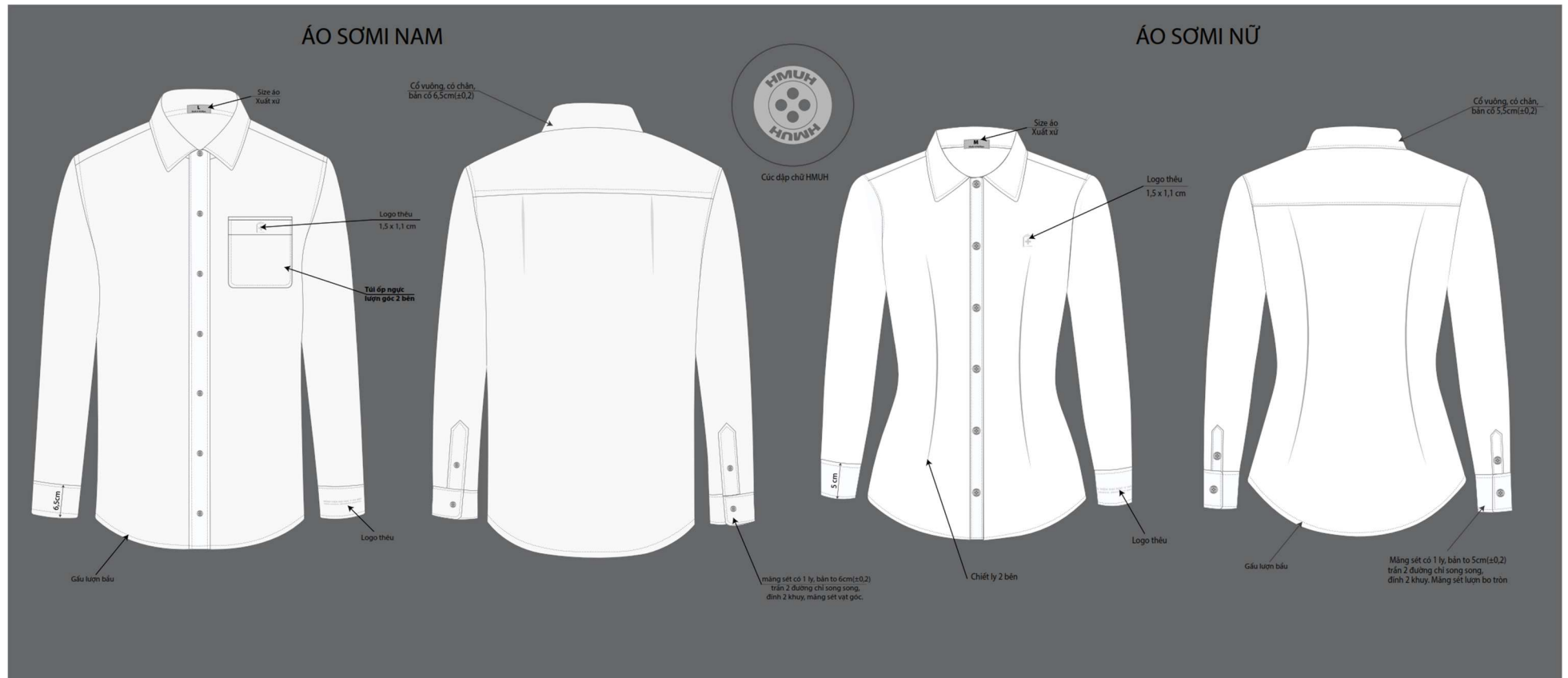
STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị	Số lượng
		- Lớp xốp giảm chấn, chống va đập - Vải lót mềm, xử lý kháng khuẩn, hút ẩm tốt. - Vành mũ, khóa mũ màu đen. - Nút, phụ kiện là hợp kim không gỉ. - Quai đeo: Chất liệu vải dù, dây đeo chắc chắn, khóa mũ làm bằng móc nhựa PP đóng mở nhẹ nhàng - Mũ được dán tem kiểm định CR, ghi đầy đủ thông tin của nhà sản xuất. Kích thước: - Chu vi vòng đầu từ 58 cm (± 2) - Size mũ: theo kích cỡ tiêu chuẩn (được mô tả tại mục Yêu cầu chung), có tem cỡ mũ. - Sơn bên ngoài phủ mờ đồng đều, không bị loang sơn. Mũ đạt tiêu chuẩn QCVN 2: 2021/BKHCN hoặc tương đương hoặc mới hơn In ấn và hoàn thiện theo thiết kế đính kèm theo Quy cách đóng gói: 1 cái/ 1 túi		

3. Bản vẽ, thiết kế minh họa

3.1. Logo Bệnh viện:



3.2. Áo sơ mi nam, nữ:



3.3. Áo thun nam, nữ:



3.4. Ô gấp loại 10 múi



3.5. Mũ bảo hiểm nửa đầu

